TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT** TỈNH LÂM ĐỒNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 05.6.2019
V/v: "Xin ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT - TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Dương Hải Long

Ông Phạm Quang Vinh

- Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Lan - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Đà Lạt – tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt - tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Dĩ Ly Đan - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Đà Lạt - tỉnh Lâm Đồng; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 146/2019/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2019 về tranh chấp: *"Xin ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Võ Thị Kính Q, sinh năm: 1994

Địa chỉ: thôn T, xã P, huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận

Bị đơn: Anh Ông Văn P, sinh năm: 1988

Địa chỉ: tổ X, thôn T, xã X, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng

(Chị Qi có mặt tại phiên Tòa, anh P có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nguyên đơn chị Võ Thị Kính Q trình bày: Chị và anh Ông Văn P xây dựng gia đình với nhau vào năm 2014 trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Xuân Thọ, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng. Cuộc sống chung của vợ chồng hoà thuận hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Phước không chăm lo cho gia đình, ghen tuông mù quáng và thường xuyên

nhậu nhẹt về đánh đập chị nên từ tháng 8/2018 vợ chồng đã sống ly thân nhau. Nay chị xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh P, chị yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh P. Về con chung, chị xác định vợ chồng có 02 con chung là Ông Võ T, sinh ngày 11/9/2014 và Ông Võ Thị Bích H, sinh ngày 23/12/2016 hiện đang sống cùng chị. Khi ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi con và không yêu cầu anh P phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung chị xác định vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Ông Văn P trình bày: Anh và chị Võ Thị Kính Q xây dựng gia đình với nhau vào năm 2014 trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Xuân Thọ, thành phố Đà Lạt. Cuộc sống chung của vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng xích mích cãi nhau anh có đánh vợ, trong lúc nóng giận không kiềm chế được anh có cầm dao rượt đánh chị Q. Sau khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn chị Q đã bỏ nhà đi khoảng 5 tháng nay. Hiện nay, anh vẫn còn tình cảm với chị Q nên anh có nguyện vọng được đoàn tụ gia đình để nuôi dạy con chung. Về con chung, anh xác định vợ chồng có 02 con chung là Ông Võ T, sinh ngày 11/9/2014 và Ông Võ Thị Bích H, sinh ngày 23/12/2016 hiện nay đang sống cùng chị Q. Nếu chị Q cương quyết ly hôn thì anh đồng ý giao 02 con cho chị Q nuôi dưỡng, giáo dục, anh đồng ý cấp dưỡng nuôi con theo quy định. Về tài sản chung, nợ chung anh xác định vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại phiên tòa, Chị Võ Thị Kính Q xác định tình cảm vợ chồng không còn nên vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh P. Về con chung chị yêu cầu được con và không yêu cầu anh P phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung chị xác định vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh P có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt tham gia phiên toà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, các đương sự và Hội đồng xét xử. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Q, xử cho chị Q được ly hôn với anh P và giao con chung là Ông Võ T và Ông Võ Thị Bích H cho chị Q có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục, anh P không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung các đương sự xác định vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà và kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Ông Văn P đã được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa hôm nay và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 cần xem xét xử vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung là phù hợp.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Q và anh P xây dựng gia đình với nhau vào năm 2014 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Xuân Thọ, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng. Cuộc sống chung của vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Tại phiên toà, chị Q xác định không còn tình cảm với anh P và giữ nguyên yêu cầu được ly hôn. Còn anh P có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Q và anh P đã trầm trọng do vợ chồng không hợp nhau, không thông cảm chia sẻ với nhau trong cuộc sống hàng ngày, không tin tưởng nhau trong quan hệ tình cảm dẫn đến cuộc sống chung của vợ chồng luôn xảy ra xung đột, không hạnh phúc nên từ tháng 8/2018 chị Q đưa con về nhà bố mẹ đẻ ở Ninh Thuận sinh sống và vợ chồng đã sống ly thân nhau. Mặc dù anh P xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn và có nguyện vọng được đoàn tụ gia đình, tuy nhiên trong thời gian vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, sống ly thân nhưng anh P cũng không thật sự cố gắng trong việc tìm biện pháp để cải thiện tình cảm vợ chồng nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn. Hơn nữa, qua xác minh tại địa phương nơi chị Q, anh P sinh sống thì được biết trong thời gian vợ chồng chị Q sinh sống tại địa phương anh P có đánh đập chị Q. Vì vậy, nếu cứ kéo dài tình trạng hôn nhân như hiện nay cũng không mang lại hạnh phúc cho các đương sự do mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng kéo dài, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Q, xử cho chị Q và anh P được ly hôn là hoàn toàn phù hợp.

[3] Về con chung: Chị Q và anh P có 02 con chung là Ông Võ T, sinh ngày 11/9/2014 và Ông Võ Thị Bích H, sinh ngày 23/12/2016. Khi ly hôn chị Q có nguyện vọng được nuôi con, anh P cũng đồng ý. Xét thấy, hiện nay hai cháu còn nhỏ cần sự chăm sóc của mẹ, các cháu đang được chị Q chăm sóc, nuôi dưỡng. Vì vậy, để đảm bảo sự ổn định về mặt tâm sinh lý của trẻ nhỏ cần tiếp tục giao con chung là Ông Võ T và Ông Võ Thị Bích H cho chị Q có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục là hoàn toàn phù hợp.

Về việc cấp dưỡng nuôi con, chị Q không yêu cầu nên không đặt ra để xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Q và anh P xác định vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

[5] Về án phí: Chị Q phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 51; Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 147; Điều 227; Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1/ Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Võ Thị Kính Q, xử cho chị Võ Thị Kính Q và anh Ông Văn P được ly hôn.

2/ Về con chung: Giao con Ông Võ T, sinh ngày 11/9/2014 và Ông Võ Thị Bích H, sinh ngày 23/12/2016 cho chị Võ Thị Kính Q có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Ông Văn P không phải cấp dưỡng nuôi con.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

3/ Về án phí: Chị Võ Thị Kính Q phải chịu 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số AA/2016/0011963 ngày 15 tháng 3 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đà Lạt, chị Q đã nộp đủ án phí.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 *(mười lăm)* ngày kể từ ngày tuyên án (05/6/2019). Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15*(mười lăm)* ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tp. Đà Lạt;
- Chi cục THADS tp. Đà Lạt;
- UBND xã Xuân Thọ, tp. Đà Lạt;
- Các đương sự;
- Lưu: bộ phận lưu trữ, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Nguyễn Thị Thúy Ngọc